

Số: 555/QĐ-UBND

Tiên Lữ, ngày 20 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính năm 2017
của UBND các xã, thị trấn**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định 2288/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định về xác định chỉ số cải cách hành chính và Bộ chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ tại Tờ trình số 20/TTr-NV ngày 20 tháng 4 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của UBND các xã, thị trấn.

(Chi tiết tại phụ lục đính kèm theo).

Điều 2. Căn cứ kết quả đánh giá cải cách hành chính năm 2017, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính trong các năm tiếp theo.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Nội vụ, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Sở Nội vụ;
- Phòng Cải cách hành chính Sở Nội vụ;
- Thường trực HU-HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND&UBND;
- Phòng Nội vụ;
- Như Điều 3;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Hưng



Phụ lục
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CCHC NĂM 2017 CỦA UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN
 (Kèm theo Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện Tiên Lữ)

Số TT	Đơn vị	Chỉ số (điểm)	Xếp loại	Chỉ đạo điều hành về CCHC		Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL		Cải cách thủ tục hành chính		Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước		Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức		Cải cách cơ chế tài chính công		Hiện đại hóa nền hành chính		Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	
				Điểm tối đa	Điểm huyện chấm	Điểm tối đa	Điểm huyện chấm	Điểm tối đa	Điểm huyện chấm	Điểm tối đa	Điểm huyện chấm	Điểm tối đa	Điểm huyện chấm	Điểm tối đa	Điểm huyện chấm	Điểm tối đa	Điểm huyện chấm	Điểm tối đa	Điểm huyện chấm
1	Hải Triều	71	Khá	12	11	8	8	10	9	7	6.5	15	14	4	3	6	5.5	15	14
2	Dị Chế	71	Khá	12	11	8	8	10	9	7	6.5	15	14	4	3	6	5.5	15	14
3	Minh Phương	71	Khá	12	11	8	8	10	9	7	6.5	15	14	4	3	6	5.5	15	14
4	Nhật Tân	70.5	Khá	12	10	8	8	10	9	7	6.5	15	14	4	3	6	5.5	15	14.5
5	Thủ Sỹ	70.5	Khá	12	10	8	8	10	9	7	6.5	15	14	4	3	6	5.5	15	14.5
6	Hưng Đạo	70.5	Khá	12	10	8	8	10	9	7	6.5	15	14	4	3	6	5.5	15	14.5
7	Thụy Lôi	66	Khá	12	9	8	8	10	8	7	6	15	13	4	3	6	5	15	14
8	Thị trấn Vương	65.5	Khá	12	9	8	8	10	8	7	6	15	13	4	3	6	5	15	13.5
9	An Viên	65.5	Khá	12	9	8	7.5	10	8	7	6	15	14	4	3	6	5	15	13
10	Thiện Phiến	62.5	TB	12	8	8	7.5	10	7	7	6	15	14	4	3	6	5	15	12
11	Ngô Quyền	62.5	TB	12	8	8	7.5	10	8	7	5	15	14	4	3	6	5	15	12
12	Đức Thắng	62	TB	12	8	8	8	10	8	7	5.5	15	13	4	3	6	4.5	15	12
13	Trung Dũng	62	TB	12	8	8	8	10	8	7	5	15	13	4	3	6	4.5	15	12.5
14	Cương Chính	61	TB	12	8	8	8	10	7	7	5.5	15	13	4	3	6	4.5	15	12
15	Lệ Xá	61	TB	12	7	8	8	10	7	7	6	15	14	4	3	6	4	15	12